|  |  |
| --- | --- |
| UBND HUYỆN TIÊN LÃNG**TRƯỜNG TH TIÊN HƯNG**Số: 14 /BCCM-THTH | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Vinh Quang, ngày 12 tháng 01 năm 2023* |
|  |  |

**BÁO CÁO**

**Sơ kết chuyên môn học kỳ I, triển khai nhiệm vụ học kỳ II**

**Năm học 2022-2023**

**Phần I: KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ HỌC KỲ I**

**I. QUY MÔ GIÁO DỤC**

**1. Học sinh:**

\* Số lớp: 11 lớp. Số học sinh: 273 HS.

- So với cùng kì năm học 2021-2022 (tăng/giảm về số lớp, số HS):17

- So với đầu năm học (tăng 01HS)

*Lí do:* Số HS chuyển đi: 0 Số HS chuyển đến:01 Số HS bỏ học:0

**\* Trong đó:**

- Số học sinh học 2 buổi/ngày: 273 HS, đạt tỉ lệ 100%;

- Số học sinh học ngoại ngữ: 273 HS, đạt tỉ lệ 100%;

- Số học sinh học tin học: 54/184 HS, đạt tỉ lệ 29.3% (so với HS lớp 3, 4, 5);

- Số HS lưu ban năm học 2021-2022: 02 HS, chiếm tỉ lệ 0.7%;

- Số HS diện hộ nghèo: 6 HS, chiếm tỉ lệ 2. 2%; Cận nghèo: 15 HS, chiếm tỉ lệ 5.1%; con mồ côi: 0 HS chiếm tỉ lệ 0%;

- Số HS khuyết tật học hòa nhập: 06 HS (chiếm tỉ lệ 2.2.%);

- Số HS học đúng độ tuổi: 256/273 HS, đạt tỉ lệ 94.1%.

*Chia ra:*

* Khối 1: 44/46HS = 95.6%;
* Khối 2: 38/42HS = 90.5%;
* Khối 3: 53/54HS = 98.1%;
* Khối 4: 51/55HS = 90.9%;
* Khối 5: 71/75HS = 94.7%;

**2. Đội ngũ CBQL, GVNV**

+ Tổng số CBQL, GVNV: 19

+ Trong đó:

- Biên chế :16; hợp đồng huyện: 02; HĐ trường 01

- Đảng viên (chỉ tính diện BC và HĐ huyện): 10

- CBQL: 02người. Trình độ:

+ Chuyên môn: Đại học: 02

+ Lý luận chính trị: Trung cấp: 02

+ QLNN: CC: 02

+ QLGD: CC: 02

- Giáo viên giảng dạy: 14/ 11 lớp, đạt tỷ lệ: 1.27 GV/lớp (chỉ tính diện BC và HĐ huyện). GV TPT Đội: 1

+ Trình độ chuyên môn (chỉ tính diện BC và HĐ huyện, tính cả GV TPT):

* Đại học : 13 ; Cao đẳng : 02.

+ Cơ cấu GV :

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Môn dạy | Văn hóa | Âm nhạc | Mỹ thuật | N.ngữ | Thể dục | Tin học |
| Số lượng | 12 | 01 | 01 | 01 |  |  |
| Chia ra: | Biên chế | 11 | 01 | 01 | 01 |  |  |
| HĐ huyện | 01 |  |  |  |  |  |

\* Đánh giá về đội ngũ: thiếu về số lượng, cơ cấu.

**II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC**

**1. Thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục**

1.1. Việc xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường để chủ động, linh hoạt thực hiện và hoàn thành chương trình năm học

- Xây dựng kế hoạch giáo dục đảm bảo thực hiện đầy đủ nội dung các môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc, lựa chọn nội dung giáo dục tự chọn và xây dhựng các hoạt động giáo dục phù hợp với nhu cầu của học sinh và điều kiện của nhà trường, địa phương; đảm bảo tính chủ động, linh hoạt; tuân thủ các nguyên tắc, phương pháp sư phạm nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, tự giác phù hợp với lứa tuổi học sinh tiểu học.

- Tăng cường các hoạt động thực hành, hoạt động trải nghiệm, rèn kĩ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn, phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường và khả năng học tập của học sinh. Chú trọng giáo dục đạo đức lối sống, giá trị sống, kĩ năng sống, hiểu biết xã hội cho học sinh, phối hợp chặt chẽ với các tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh để giáo dục học sinh hiệu quả, thiết thực.

- Điều chỉnh nội dung dạy học một cách hợp lý nhằm đáp ứng yêu cầu, mục tiêu giáo dục tiểu học, phù hợp với đối tượng học sinh, đồng thời từng bước thực hiện đổi mới nội dung, phương pháp dạy học theo hướng phát triển năng lực của học sinh trên nguyên tắc: đảm bảo yêu cầu chuẩn kiến thức, kĩ năng và phù hợp điều kiện thực tế; rà soát, tinh giản những nội dung chồng chéo, trùng lặp giữa các môn học, giữa các khối lớp trong cấp học và các nội dung quá khó, chưa thực sự cấp thiết đối với học sinh; sắp xếp, điều chỉnh nội dung dạy học theo các chủ đề học tập phù hợp với đối tượng học sinh; không cắt xén cơ học mà tập trung vào đổi mới phương pháp dạy và học, đổi mới cách thức tổ chức các hoạt động giáo dục sao cho nhẹ nhàng, tự nhiên, hiệu quả nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh.

- Xây dựng kế hoạch giáo dục đảm bảo phân bổ hợp lý giữa các nội dung giáo dục, giúp học sinh hoàn thành nhiệm vụ học tập, yêu cầu cần đạt của chương trình; tạo điều kiện cho học sinh được học tập các môn học tự chọn và tham gia các hoạt động giáo dục nhằm thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện ở tiểu học. Thời khóa biểu được sắp xếp một cách khoa học, đảm bảo tỷ lệ hợp lý giữa các nội dung dạy học và hoạt động giáo dục, phân bổ hợp lý về thời lượng, thời điểm trong ngày học và tuần học phù hợp với tâm sinh lý lứa tuổi học sinh tiểu học.

1.2. Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với lớp 1, 2, 3

Triển khai thực hiện Chương trình GDPT 2018 đối với lớp 1, lớp 2, lớp 3 theo các văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và của Sở GD&ĐT, cụ thể:

- Đảm bảo tỷ lệ 01 phòng học/lớp, cơ sở vật chất, sĩ số học sinh/lớp theo quy định tại Điều lệ trường tiểu học; có đủ thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định; đảm bảo tỷ lệ 1,3 giáo viên/lớp và thỉnh giảng giáo viên để dạy đủ các môn học và hoạt động giáo dục theo quy định.

- Thực hiện dạy học các môn học/hoạt động giáo dục bắt buộc, môn học tự chọn (Tiếng Anh) theo quy định của Chương trình GDPT 2018. Tổ chức các hoạt động củng cố để học sinh tự hoàn thành nội dung học tập, các hoạt động giáo dục đáp ứng nhu cầu, sở thích, năng khiếu của học sinh; các hoạt động tìm hiểu tự nhiên, xã hội, văn hóa, lịch sử, truyền thống của địa phương.

- Tổ chức dạy học 2 buổi/ngày, mỗi ngày bố trí không quá 7 tiết học, mỗi tiết 35 phút; thực hiện 9 buổi/tuần với 32 tiết/tuần. Kế hoạch giáo dục đảm bảo phân bổ hợp lý giữa các nội dung giáo dục, giúp học sinh hoàn thành nhiệm vụ học tập, yêu cầu cần đạt của chương trình; tạo điều kiện cho học sinh được học tập các môn học tự chọn và tham gia các hoạt động giáo dục nhằm thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện ở tiểu học. Sắp xếp thời khóa biểu một cách khoa học, đảm bảo tỷ lệ hợp lý giữa các nội dung dạy học và hoạt động giáo dục, phân bổ hợp lý về thời lượng, thời điểm trong ngày học và tuần học phù hợp với tâm sinh lý lứa tuổi học sinh tiểu học.

- Xây dựng kế hoạch tổ chức bán trú với nội dung, hình thức phù hợp điều kiện thực tế của trường, trên cơ sở thống nhất, tự nguyện của học sinh, cha mẹ học sinh và theo sự chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan quản lý cấp trên. Các hoạt động bán trú được tổ chức trong khoảng thời gian từ sau giờ học buổi sáng đến trước khi bắt đầu giờ học buổi chiều. Thông qua hoạt động bán trú góp phần rèn luyện học sinh về kỹ năng sống, đạo đức, tính kỷ luật, tự phục vụ, trách nhiệm, chia sẻ, yêu thương. Tổ chức ăn trưa, bán trú bảo đảm an toàn, vệ sinh thực phẩm, bảo đảm dinh dưỡng, sức khỏe cho học sinh.

- Tổ chức các hoạt động cho học sinh sau giờ học chính thức trong ngày là hoạt động theo nhu cầu, sở thích của học sinh trong khoảng thời gian từ sau giờ học chính thức cho đến thời điểm được cha mẹ học sinh đón về nhà; tổ chức các hoạt động dưới hình thức sinh hoạt câu lạc bộ và sử dụng cơ sở vật chất của nhà trường ( sân chơi, bãi tập,...) để học sinh vui chơi, giải trí. Việc tổ chức hoạt động sau giờ học chính thức trong ngày dưới hình thức sinh hoạt câu lạc bộ được thực hiện trên cơ sở thống nhất, tự nguyện của học sinh, cha mẹ học sinh và cần được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo thực hiện theo định mức của Hội đồng nhân dân Thành phố Hải Phòng.

1.3. Thực hiện Chương trình GDPT 2006 đối với các lớp 4, 5

Trên cơ sở Chương trình GDPT 2006, nhà trường xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục đối với các lớp 4, lớp 5 theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh để chủ động tiếp cận với Chương trình GDPT 2018, cụ thể:

- Thực hiện điều chỉnh nội dung dạy học một cách hợp lý nhằm đáp ứng yêu cầu, mục tiêu giáo dục tiểu học, phù hợp đối tượng học sinh, đồng thời từng bước thực hiện đổi mới nội dung, phương pháp dạy học theo hướng phát triển năng lực của học sinh trên nguyên tắc: đảm bảo yêu cầu chuẩn kiến thức, kỹ năng và phù hợp điều kiện thực tế; rà soát, tinh giản những nội dung chồng chéo, trùng lặp giữa các môn học, giữa các khối lớp trong cấp học và các nội dung quá khó, chưa thực sự cấp thiết đối với học sinh tiểu học; sắp xếp, điều chỉnh nội dung dạy học theo các chủ đề học tập phù hợp với đối tượng học sinh; không cắt xén cơ học mà tập trung vào đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới cách thức tổ chức các hoạt động giáo dục sao cho nhẹ nhàng, tự nhiên, hiệu quả nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh; tạo điều kiện cho học sinh được học tập các môn học tự chọn và tham gia các hoạt động giáo dục nhằm thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện ở tiểu học.

- Tổ chức dạy học cho học sinh lớp 5 chuẩn bị học lớp 6 theo Chương trình GDPT 2018 theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT. Hiệu trưởng chỉ đạo tổ chuyên môn nghiên cứu, bổ sung, điều chỉnh nội dung chương trình các môn học/hoạt động giáo dục lớp 5 Chương trình GDPT 2006 tiếp cận Chương trình GDPT 2018, đảm bảo sự chuẩn bị tốt nhất về kiến thức, kỹ năng, năng lực, phẩm chất để học sinh học lớp 6 theo Chương trình GDPT 2018.

- Tổ chức dạy học 2 buổi/ngày và các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục: Thực hiện như đối với các lớp 1, lớp 2, lớp 3.

1.4. Tổ chức dạy học ngoại ngữ, Tin học

a) Dạy học ngoại ngữ

- Số lớp, số HS học Tiếng Anh: 11/11 lớp; 273/273 học sinh, đạt tỉ lệ 100%.

Cụ thể:

* Lớp 1: 2 lớp, 46 học sinh, đạt tỉ lệ 100%; thời lượng 2 tiết/tuần; bộ sách sử dụng:Phonics Smart;
* Lớp 2: 2 lớp, 42 học sinh, đạt tỉ lệ 100%; thời lượng 2 tiết/tuần; bộ sách sử dụng:Phonics Smart;
* Lớp 3: 2 lớp, 54 học sinh, đạt tỉ lệ 100%; thời lượng 3 tiết/tuần; bộ sách sử dụng:Phonics Smart;
* Lớp 4: 2 lớp, 55 học sinh, đạt tỉ lệ 100%; thời lượng 3 tiết/tuần; bộ sách sử dụng: I-learn Smart Start;
* Lớp 5: 3 lớp, 75 học sinh, đạt tỉ lệ 100%; thời lượng 3 tiết/tuần; bộ sách sử dụng: I-learn Smart Start;

- Chưa triển khai chương trình Tiếng Anh tăng cường với giáo viên người nước ngoài.

 + So với năm học 2021-2022: Đảm bảo 100%

- Giáo viên đã tích cực trong việc đổi mới phương pháp dạy học, linh hoạt trong tổ chức lớp học gây hứng thú cho học sinh; chú trọng cả 4 kĩ năng nghe, nói, đọc, viết. Thực hiện khá tốt việc ra đề kiểm tra, đánh giá học sinh

\* Đánh giá về chất lượng dạy học môn Tiếng Anh (nhất là chất lượng Tiếng Anh tăng cường) chú ý đánh giá về cả 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết

- Kĩ năng nói của học sinh còn nhiều hạn chế: phát âm chưa chuẩn, chưa thể hiện được ngữ điệu trong đọc, nói; giáo viên còn chưa thực sự chú trọng đến hoạt động trải nghiệm cho học sinh, chủ yếu còn lệ thuộc kiến thức bài học trong SGK

\* Những thuận lợi; khó khăn, bất cập trong quá trình thực hiện

- Thiếu phương tiện hỗ trợ; chưa có phòng học chuyên biệt cho việc học ngoại ngữ.

b) Dạy học Tin học

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Số HS lớp 3, 4, 5 | Số lớp học Tin học | Số HS học Tin học | Chia ra (số HS)  | So với NH 2021-2022 tăng  |
| Khối 3 | Khối 4 | Khối 5 | Số lớp | Số HS |
|  184 | 1 | 54 | 54 | 0  | 0  |  2 | 54 |

- Việc đáp ứng các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy học môn Tin học:

+ CSVC: 10 máy vi tính, phòng Tin mượn.

+ GV: thỉnh giảng giáo viên dạy từ trường Tiểu học Đông Hưng, dạy 1 tiết/lớp/tuần.

\* Đánh giá về kết đạt được:

- Đã đảm bảo việc thực hiện chương trình môn Tin học – Công nghệ đối với lớp 3 theo CTGDPT 2018.

- Việc dạy Tin học đã đi vào nề nếp ổn định.

- Giáo viên dạy Tin học có trình độ và kĩ năng sư phạm đảm bảo hiệu quả giảng dạy.

\* Những bất cập, khó khăn trong quá trình thực hiện:

- Do không có giáo viên nên việc giảng dạy chưa tự chủ được.

- Phòng học tin và máy tính chưa đảm bảo đúng, đủ yêu cầu theo chương trình giảng dạy.

1.5. Tổ chức dạy học nội dung giáo dục địa phương theo CT. GDPT 2018

- Về việc thực hiện Tài liệu GD địa phương: nhà trường đã tổ chức cho CBQL, giáo viên dạy lớp 1,2 tham gia tập huấn sử dụng Tài liệu GD địa phương đợt do Sở GD&ĐT tổ chức. Chỉ đạo tổ chuyên môn điều chỉnh kế hoạch dạy học, tích hợp nội dung GD địa phương trong HĐTN ở một số chủ đề. Các lớp thực hiện nghiêm túc, đúng chương trình, kế hoạch dạy học về việc sử dụng tài liệu GD địa phương. Đặc biệt, nhà trường đã phát động tới các lớp hoạt động nhân đạo, từ thiện thông qua phong trào “Nuôi lợn siêu trọng”, “ Liên hoan múa hát về mái trường thân yêu”.

**2. Tổ chức dạy học 2 buổi/ngày, bán trú**

2.1. Tổ chức dạy học 2 buổi/ngày:

- Số lớp học 2 buổi/ngày: 11 Số học sinh học 2 buổi/ngày: 273/273 học sinh đạt tỉ lệ 100%.

\* Đánh giá về kết quả đạt được:

- Học sinh tiếp thu kiến thức, thực hành tốt hơn.

- Thực hiện nghiêm túc có hiệu quả dạy học 2 buổi/ngày theo đúng hướng dẫn, chỉ đạo của Sở GD&ĐT, Phòng Giáo dục và Đào tạo đảm bảo thực hiện đầy đủ, phân bổ hợp lí giữa các nội dung giáo dục, giúp học sinh hoàn thành nhiệm vụ học tập, yêu cầu cần đạt của chương trình; tạo điều kiện cho học sinh được học tập các môn học tự chọn và tham gia các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học, đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh và yêu cầu của Chương trình GDPT 2018.

- Giáo viên được phân công nhiệm vụ phù hợp với khả năng, được tạo điều kiện để thực sự phát huy được năng lực của bản thân, có thời gian nghiên cứu sâu bài dạy, biết cách xây dựng và lựa chọn các nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động học tập một cách sáng tạo và phù hợp với đối tượng học sinh.

- Học sinh: Quyền lợi học tập được đảm bảo: học sinh yếu, học sinh có điều kiện khó khăn được quan tâm kèm cặp giúp đỡ; học sinh có năng khiếu được phát hiện kịp thời và tạo điều kiện tốt để tiếp tục phát triển. Học sinh thấy thoải mái, vui vẻ tự tin, tích cực tham gia ccá hoạt động tập thể ở trường, lớp. Ngoài học văn hóa các em còn được rèn luyện nhiều kĩ năng quan trọng, có được sự mạnh dạn trong việc bộc lộ suy nghĩ của bản thân, tự tin trong giao tiếp, có tinh thần trách nhiệm với tập thể.

\* Về những khó khăn, bất cập trong tổ chức dạy học 2 buổi/ngày:

- Tỉ lệ GV/lớp dạy học 2 buổi/ngày bình quân chỉ đạt 1,27; chưa đảm bảo đủ theo Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập;

- Một số giáo viên chưa quan tâm nhiều đến việc lựa chọn nội dung, hình thức tổ chức lớp học do đó chưa gây hứng thú học tập, dễ gây nhàm chán cho học sinh

2.2. Tổ chức bán trú:

- Số học sinh ăn bán trú: 56/273 = 20.88%. Cụ thể:

+ Lớp 1: 27 HS; + Lớp 2: 9HS; + Lớp 3: 15HS; + Lớp 4: 3HS; + Lớp 2: 2HS;

- Phương thức triển khai: Nhà trường kí hợp đồng với công ty chế biến thực phẩm Hoa Phượng, cung cấp các bữa ăn ngon miệng cho học sinh.

Học sinh ăn cơm tại trường đảm bảo chất lượng an toàn thực phẩm và đảm bảo chất dinh dưỡng cung cấp cho trẻ. Thực hiện tốt công khai thực phẩm theo ngày. Việc tổ chức cho học sinh ăn bán trú tại trường diễn ra quy củ, có sự giám sát chặt chẽ và hàng ngày của Ban giám hiệu nhà trường; có hợp đồng thể hiện sự thống nhất thỏa thuận giữa nhà trường với bên cung cấp thực phẩm.

+ Tổ chức quản lý, đảm bảo an ninh an toàn cho học sinh trong suốt thời gian ở trường.

+ Đảm bảo đủ số lượng nhân lực trong việc nấu ăn, trông trưa học sinh.

\* Kết quả đạt được:

+ Thực hiện quản lý bán trú công khai, minh bạch, đảm báo tính pháp lý về an toàn thực phẩm của các đơn vị cung cấp, có hồ sơ phối hợp quản lý riêng; giám sát nguồn thực phẩm được cung cấp phải đảm bảo an toàn tuyệt đối.

+ Quản lý thực đơn, phiếu điều suất bữa ăn đảm bảo dinh dưỡng cho học sinh, phù hợp điều kiện thực tiễn.

+ Trong suốt học kỳ không để xảy ra trường hợp ngộ độc thực phẩm hay mất an toàn vệ sinh thực phẩm.

 Khó khăn:

 Tuy vậy, công tác bán trú nhà trường cũng gặp không ít khó khăn do điều kiện về CSVC chưa đáp ứng: chưa có phòng ăn, phòng ngủ riêng biệt. Học sinh phải ăn trong phòng học, không đảm bảo vệ sinh

Học sinh phải ăn trưa tại phòng học nên ảnh hưởng đến vệ sinh lớp học, giáo viên trông trưa phải mất thêm thời gian dọn dẹp, vệ sinh lớp học.

**4. Xây dựng thư viện trường tiểu học, phát triển văn hóa đọc cho HS**

- Nhà trường đã chỉ đạo các lớp tiếp tục vận hành mô hình Thư viện 50K theo chỉ đạo của Sở GD&ĐT; Phòng GD&ĐT.

- Ban giám hiệu kiểm tra, đánh giá hiệu quả hoạt động của thư viện thông qua sự hứng thú của trẻ đối với hoạt động đọc cũng như các hoạt động viết, vẽ và các hoạt động khác. Kịp thời khích lệ đối với các cá nhân, đơn vị thực hiện hiệu quả, có đóng góp tích cực cho các hoạt động thư viện.

\* Tuy nhiên nhà trường vẫn còn một số khó khăn như: xây dựng mô hình thư viện thân thiện tại các lớp còn hạn chế; phòng đọc của nhà trường, các loại sách, tài liệu để cho giáo viên và học sinh đọc, nghiên cứu còn hạn chế, CSVC trong tình trạng chưa đảm bảo về số lượng và chất lượng sách giáo khoa, sách nghiệp vụ của GV, sách tham khảo dùng chung cho HS... còn chưa phong phú. Mặt khác, số GV, HS hình thành được thói quen đọc sách thường xuyên và có mục tiêu chưa nhiều, tình trạng HS lười đọc sách, dành thời gian ít ỏi cho sách… không chỉ dẫn tới thiếu hụt tri thức mà vai trò của thư viện trở nên nhạt nhòa.

**III. ĐỔI MỚI PHƯƠNG PHÁP, HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC, ĐÁNH GIÁ HỌC SINH**

**1. Đổi mới phương pháp dạy học**

**-** Tích cực ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong giảng dạy.

- Triển khai và thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông hiện hành theo định hướng phát triển năng lực, phẩm chất học sinh; chỉ đạo thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục nghiêm túc, linh hoạt, sáng tạo. Tổ chức thực hiện nội dung dạy học theo hướng tiếp cận Chương trình giáo dục phổ thông 2018; đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và đánh giá học sinh tiểu học; vận dụng phù hợp những thành tố tích cực của các mô hình, phương thức giáo dục tiên tiến nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục.

- Tích cực tổ chức sinh hoạt chuyên môn tại các tổ chuyên môn trong trường, và tham gia SHCM cấp huyện, cấp thành phố....; chú trọng đổi mới nội dung và hình thức sinh hoạt chuyên môn thông qua hoạt động dự giờ, nghiên cứu bài học…

**2. Đa dạng hóa các hình thức tổ chức dạy học, gắn giáo dục nhà trường với thực tiễn cuộc sống; tổ chức các hoạt động trải nghiệm**

- Thực hiện dạy học gắn kết giữa lí thuyết với thực hành; tăng cường các hoạt động trải nghiệm, vận dụng kiến thức vào thực tế cuộc sống của học sinh; phối hợp việc tổ chức cho học sinh thực hiện các nhiệm vụ học tập ở trên lớp với việc giao nhiệm vụ và hướng dẫn học sinh học tập ở nhà, ở ngoài nhà trường.

- Thực hiện lồng ghép, tích hợp giáo dục đạo đức, nhân cách; giáo dục quốc phòng và an ninh; giáo dục pháp luật; nhận thức về quyền và bổn phận của trẻ em; bình đẳng giới; phòng chống tai nạn thương tích; phòng chống địch Covid 19; chú trọng giáo dục lối sống, kĩ năng sống; thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe và y tế trường học; tuyên truyền, giáo dục chủ quyền quốc gia về biên giới, biển đảo; bảo vệ môi trường; bảo tồn thiên nhiên; ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai, giáo dục an toàn giao thông,…

**3. Đổi mới đánh giá học sinh**

- Đối với học sinh tiểu học thực hiện theo Chương trình giáo dục phổ thông hiện hành, tiếp tục được đánh giá theo quy định tại Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28/8/2014 và Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22/9/2016 của Bộ trưởng Bộ GDĐT đảm bảo việc đánh giá đúng quy định.

- Đối với học sinh lớp 1,2 thực hiện theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018, được đánh giá theo quy định tại Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 dựa trên nguyên tắc: Đánh giá học sinh thông qua đánh giá mức độ đạt được theo yêu cầu cần đạt và biểu hiện cụ thể về các thành phần năng lực của từng môn học, hoạt động giáo dục và những biểu hiện phẩm chất, năng lực của học sinh theo yêu cầu cần đạt của chương trình; thực hiện đánh giá sự tiến bộ và vì sự tiến bộ của học sinh; coi trọng việc động viên, khuyến khích sự cố gắng trong học tập, rèn luyện của học sinh; giúp học sinh phát huy nhiều nhất khả năng, năng lực; đảm bảo kịp thời, công bằng, khách quan; không so sánh học sinh này với học sinh khác, không tạo áp lực cho học sinh, giáo viên và cha mẹ học sinh.

- Thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, phần mềm quản lý kết quả giáo dục và học tập của học sinh , dành nhiều thời gian cho giáo viên quan tâm đến học sinh và đổi mới phương pháp dạy học.

**\* Kết quả đánh giá học sinh Học kỳ I năm học 2022-2023 I (*tính cả HS khuyết tật học hòa nhập):***

a) Kết quả đánh giá HS lớp 1, 2, 3 theo Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT:

Tổng số học sinh lớp 1,2 ,3 là 142 học sinh. Số học sinh tham gia đánh giá là: 138 (có 4 em miễn môn do không có khả năng ghi nhớ và tiếp nhận kiến thức: Em Đại lớp 3B, em Tú lớp 3A, em Minh Anh lớp 1B; Em Quý lớp 1A- tăng động, không kiểm soát được hành vi, nghỉ học dài ngày để chữa trị; em Minh Anh)

**- Môn học/HĐGD:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Môn học | Tổng số HS lớp 1, lớp 2, 3 | Số HS đánh giá | Hoàn thành tốt | Hoàn thành | Chưa hoàn thành |
| Số lượng | Tỷ lệ | Số lượng | Tỷ lệ | Số lượng | Tỷ lệ |
| Toán | 142 | 138 | 103 | 74.64 | 30 | 21.74 | 5 | 3.62 |
| Tiếng Việt | 142 | 138 | 100 | 72.46 | 34 | 24.64 | 4 | 2.9 |
| Mỹ thuật | 142 | 138 | 87 | 63.05 | 50 | 36.23 | 1 | 0.72 |
| Âm nhạc | 142 | 138 | 91 | 65.94 | 47 | 34.06 | 0 | 0 |
| GD thể chất | 142 | 138 | 115 | 83.33 | 23 | 16.67 | 0 | 0 |
| Đạo đức | 142 | 138 | 113 | 81.88 | 25 | 18.12 | 0 | 0 |
| Tự nhiên - Xã hội | 142 | 138 | 106 | 76.81 | 32 | 23.19 | 0 | 0 |
| Tin học và CN (Tin học) | 54 | 52 | 42 | 80.77 | 10 | 19.23 | 0 | 0 |
| Tin học và Công nghệ (CN) | 54 | 52 | 43 | 82.69 | 9 | 17.31 | 0 | 0 |
| HĐ trải nghiệm | 142 | 138 | 110 | 79.71 | 28 | 20.29 | 0 | 0 |
| Tiếng Anh | 142 | 138 | 104 | 75.37 | 33 | 23.91 | 1 | 0.72 |

**- Năng lực:**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năng lực** | Tổng số HS lớp 1, lớp 2, 3 | Số HS đánh giá | Tốt | Đạt | Cần cố gắng | Ghi chú |
| Số lượng | Tỷ lệ | Số lượng | Tỷ lệ | Số lượng | Tỷ lệ |
| Năng lực chung | Tự chủ và tự học | 142 | 138 | 107 | 77.54 | 27 | 19.56 | 4 | 2,90 |  |
| Giao tiếp và hợp tác | 142 | 138 | 106 | 76.81 | 28 | 20.29 | 4 | 2.90 |  |
| Giải quyết vấn đề và sáng tạo | 142 | 138 | 101 | 73.19 | 32 | 23.19 | 5 | 3.62 |  |
| Năng lực đặc thù | Ngôn ngữ | 142 | 138 | 115 | 83.33 | 23 | 16.67 | 0 | 0 |  |
| Tính toán | 142 | 138 | 109 | 78.99 | 28 | 20.99 | 1 | 0.72 |  |
| Khoa học | 142 | 138 | 107 | 77.54 | 31 | 22.46 | 0 | 0 |  |
| Thẩm mĩ | 142 | 138 | 115 | 83.33 | 23 | 16.67 | 0 | 0 |  |
| Thể chất | 142 | 138 | 122 | 88.41 | 16 | 11.59 | 0 | 0 |  |
| Công nghệ | 54 | 52 | 43 | 82.69 | 9 | 17.31 | 0 | 0 |  |
| Tin học | 54 | 52 | 42 | 80.77 | 10 | 19.23 | 0 | 0 |  |

**- Phẩm chất:**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Phẩm chất | Tổng số HS lớp 1, lớp 2, 3 | Số HS đánh giá | Tốt  | Đạt | Cần cố gắng | Ghi chú |
| Số lượng | Tỷ lệ | Số lượng | Tỷ lệ | Số lượng | Tỷ lệ |
| Yêu nước | 142 | 138 | 129 | 93.48 | 9 | 6.52 | 0 | 0 |  |
| Nhân ái | 142 | 138 | 126 | 91.30 | 12 | 8.70 | 0 | 0 |  |
| Chăm chỉ | 142 | 138 | 112 | 81.16 | 25 | 18.12 | 1 | 0.72 |  |
| Trung thực | 142 | 138 | 121 | 87.68 | 16 | 11.60 | 1 | 0.72 |  |
| Trách nhiệm | 142 | 138 | 114 | 82.61 | 23 | 16.67 | 1 | 0.72 |  |

b) Kết quả đánh giá HS lớp 4, 5 theo Thông tư 22/2016/TT-BGDĐT:

Tổng số học sinh lớp 4,5 là 131 học sinh. Số học sinh tham gia đánh giá là: 129 (có 2 em miễn môn do : 01 em câm điếc bẩm sinh và 01 em tăng động, không kiểm soát được hành vi phải nghỉ học dài ngày để điều trị)

**\* Đánh giá** (so sánh với cùng kỳ năm học trước và so với chỉ tiêu, kế hoạch đề ra):

 \* Đánh giá chung: Một số học sinh lớp 1,2 khả năng đọc, viết còn chậm, kĩ năng làm toán còn nhiều hạn chế. Tuy vậy, so với cùng kỳ năm học 2021-2022, tỉ lệ HS chưa hoàn thành ở các môn học tăng hơn

 Cụ thể là:

 Năm học 2021-2022, số học sinh chưa hoàn thành các môn học và HĐGD2 : Toán = 3 em = 3,1%, môn T.Việt = 4 em = 4.12 %, các môn học và HĐGD khác đều hoàn thành 100%

 Năm học 2022-2023, số học sinh chưa hoàn thành các môn học và HĐGD2 : Toán = 8 em = 3%, môn T.Việt = 8 em = 3 %, ngoại ngữ 2= 0.75%; Mĩ thuật 1= 0,37% ; các môn học và HĐGD khác hoàn thành 100%

**- Môn học/HĐGD:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Môn học** | Tổng số HS lớp 4, 5 | Số HS đánh giá | **Hoàn thành tốt** | **Hoàn thành** | **Chưa hoàn thành** |
| Số lượng | Tỷ lệ | Số lượng | Tỷ lệ | Số lượng | Tỷ lệ |
| Toán | 131 | 129 | 86 | 66.70 | 40 | 31.0 | 3 | 2.30 |
| Tiếng Việt | 131 | 129 | 85 | 65.89 | 40 | 31.0 | 4 | 3.10 |
| Mỹ thuật | 131 | 129 | 68 | 52.70 | 61 | 47.30 |  |  |
| Âm nhạc | 131 | 129 | 91 | 70.5 | 38 | 29.5 |  |  |
| Thể dục | 131 | 129 | 114 | 84.40 | 15 | 11.60 |  |  |
| Đạo đức | 131 | 129 | 92 | 71.30 | 37 | 28.70 |  |  |
| Thủ công |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Kỹ thuật | 131 | 129 | 91 | 70.50 | 38 | 29.50 |  |  |
| Tự nhiên - Xã hội |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Khoa học | 131 | 129 | 103 | 79.80 | 26 | 20.20 |  |  |
| Lịch sử & Địa lý | 131 | 129 | 98 | 76.00 | 31 | 24.00 |  |  |
| Tiếng Anh | 131 | 129 | 85 | 65.89 | 43 | 33.33 | 1 | 0.78 |
| Tin học | 131 | 129 |  |  |  |  |  |  |

**\* Năng lực:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năng lực** | Tổng số HS lớp 4, 5 | Số HS đánh giá | **Tốt** | **Đạt** | **Cần cố gắng** |
| Số lượng | Tỷ lệ | Số lượng | Tỷ lệ | Số lượng | Tỷ lệ |
| Tự phục vụ, tự quản | 131 | 129 | 91 | 70.54 | 38 | 29.40 | 0 | 0 |
| Hợp tác | 131 | 129 | 92 | 71.32 | 37 | 28.68 | 0 | 0 |
| Tự học và giải quyết vấn đề | 131 | 129 | 90 | 69.77 | 39 | 30.23 | 0 | 0 |

*\* Đánh giá định kỳ về phẩm chất:*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Phẩm chất** | Tổng số HS lớp 4, 5 | Số HS đánh giá | **Tốt**  | **Đạt** | **Cần cố gắng** |
| Số lượng | Tỷ lệ | Số lượng | Tỷ lệ | Số lượng | Tỷ lệ |
| Chăm học, chăm làm | 131 | 29 | 90 | 69.80 | 39 | 30.20 | 0 | 0 |
| Tự tin, trách nhiệm | 131 | 29 | 91 | 70.50 | 38 | 29.50 | 0 | 0 |
| Trung thực, kỷ luật | 131 | 29 | 91 | 70.50 | 38 | 29.50 | 0 | 0 |
| Đoàn kết, yêu thương | 131 | 29 | 96 | 74.40 | 33 | 25.60 | 0 | 0 |

**IV. THỰC HIỆN QUY HOẠCH MẠNG LƯỚI TRƯỜNG LỚP; DUY TRÌ, CỦNG CỐ KẾT QUẢ PCGD TIỂU HỌC VÀ THỰC HIỆN CÔNG BẰNG TRONG TIẾP CẬN GIÁO DỤC**

**1. Duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học, XMC**

\* Việc triển khai công tác PCGD (điều tra, cập nhật dữ liệu trên Hệ thống thông tin PCGD-XMC, hoàn thiện hồ sơ, tự kiểm tra,...):

Nhà trường đã làm tốt ngày toàn dân đưa trẻ đến trường. Điều tra chính xác, cập nhật tốt các số liệu, thông tin ở các loại hồ sơ điều tra. Xây dựng bộ hồ sơ đầy đủ về số lượng và đảm bảo chất lượng mang tính lưu trữ cao.

Duy trì vững chắc kết quả PCGDTH XMC. Đồng thời có kế hoạch tiếp theo cho từng giai đoạn với những biện pháp tích cực.

\* Kết quả :

- Huy động trẻ 6 tuổi vào học lớp 1: 40/40 trẻ, đạt tỉ lệ 100%;

- Duy trì sĩ số: Số HS bỏ học 0

- Kết quả công nhận năm 2022: PCGD.TH:MĐ3 XMC: MĐ2

**3. Thực hiện GD đối với****trẻ khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn**

a) Đối với trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, trẻ em lang thang cơ nhỡ

- HS thuộc hộ nghèo: 5 em, tỷ lệ 1.7%; HS cận nghèo: 15 em, tỷ lệ 5.1%;

- Các biện pháp giúp đỡ HS có hoàn cảnh khó khăn, trẻ em lang thang cơ nhỡ nhà trường đã thực hiện:

- Nhà trường luôn tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất cho học sinh khó khăn và trẻ khuyết tật được tham gia học tập và hòa nhập với cộng đồng.

- Giáo viên có nhiều quan tâm, hỗ trợ, giúp đỡ các em trong các hoạt động học tập.

b) Đối với học sinh khuyết tật

- Tổng số HS khuyết tật học hòa nhập: 6 em = 2,2 % ( trong đó: khối 1: 02 em, khối 2: 0 em, khối 3: 02 em, khối 4: 01 em, khối 5: 01em). Cả 6 em đều trong diện học hòa nhập, miễn môn học và miến đánh giá năng lực và phẩm chất

\* Những bất cập, khó khăn trong quá trình thực hiện:

- Giáo viên còn gặp nhiều khó khăn nhất là về thời gian, về một số kỹ năng và nghiệp vụ cơ bản để dạy cho trẻ khuyết tật vì chưa được tập huấn chuyên sâu nghiệp vụ dạy trẻ khuyết tật.

- Giáo viên chưa thực hiện đủ các hồ sơ học sinh khuyết tật theo hướng dẫn.

**V. CỦNG CỐ VÀ TĂNG CƯỜNG CÁC ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

**1. Củng cố và phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục**

1.1. Phát triển đội ngũ về số lượng, cơ cấu

- Đảm bảo cơ bản các vị trí việc làm đối với cán bộ quản lý và giáo viên.

- Tham mưu đề xuất để có đủ vị trí việc làm đối với TPT và nhân viên.

1.2. Nâng cao năng lực đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục

a) Tham gia các lớp tập huấn do Phòng, Sở, Bộ GD&ĐT tổ chức

Tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, các chuyên đề do Phòng GD; Sở GD & ĐT, Bộ GD & ĐT tổ chức. Sau khi tập huấn, nhà trường đã tổ chức triển khai tập huấn tới 100% GV trong toàn trường.

b) Các hoạt động bồi dưỡng do đơn vị tổ chức

-Tổ chức cho 100% GV tìm hiểu quy trình, các bước dạy học ở tất cả các môn học lớp 3- GDPT 2018; tìm hiểu TT27/2019/BGDĐT về đánh giá học sinh Tiểu học theo chương trình GDPT 2018; “nâng cao năng lực ra đề kiểm tra, đánh giá học sinh theo TT27/2019/BGDĐT

+ Chú trọng việc SHCM theo hướng nghiên cứu bài học, vận dụng linh hoạt các phương pháp, hình thức dạy học.

- Các chuyên đề chuyên môn đã thực hiện tại đơn vị:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Cấp tổ chức | SL  | Nội dung |
| Cấp Tổ  |  4 | - Xây dựng kế hoạch dạy học các môn học lớp 3- CT GDPT 2018- Ứng dụng CNTT vào giảng dạy môn Lịch sử lớp 5- Dạy học Toán 5 theo hướng phát triển năng lực học sinh  - SHCM theo hướng nghiên cứu bài học |
| Cấp trường  | 5  | - Dạy Toán, Tiêng Việt lớp 3 – chương rình GDPT 2018- Dạy Toán, Tiêng Việt lớp 2 – chương rình GDPT 2018- Dạy Toán, Tiêng Việt lớp 1 – chương rình GDPT 2018- Dạy Tiếng Việt lơp 4,5 theo hướng tiếp cận chương trình GDPT 2018- Xây dựng Ma trận, đề kiểm tra HKI theo hướng phát triển năng lực học sinh   |
| Cấp huyện |  0 |   |
| Cấp thành phố | 0 |  |

 Tổng số ***lượt*** cán bộ quản lý, giáo viên tham gia các chuyên đề: 18

 Đánh giá hiệu quả chuyên đề: giúp GV tháo gỡ những khó khăn trong chuyên môn ở các môn học, tập trung vào đổi mới phương pháp dạy học, chú trọng phát huy tính sáng tạo, tự học, tự quản của học sinh …

 Đổi mới hình thức sinh hoạt chuyên môn với các hình thức: Các tổ khối xây dựng kế hoạch nội dung sinh hoạt chuyên môn cho từng tuần, tự chủ đăng kí các chuyên đề chuyên môn phù hợp với tổ khối, tăng cường lên lớp dự giờ.

- Qua tham dự các tiết chuyên đề của trường, huyện, TP các tổ chuyên môn được thảo luận, góp ý, nhận xét những ưu điểm, tồn tại về phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động của giáo viên và học sinh, việc ứng dụng CNTT, sử dụng ĐDDH,... để có sự thống nhất chung qua tiết dự và ứng dụng vào việc giảng dạy theo thực tế của lớp mình phụ trách. Từ đó, tay nghề chuyên môn của giáo viên và năng lực tự quản, tự học của học sinh chuyển biến tốt

- Giáo viên tích cực trong công tác ứng dụng CNTT vào soạn giảng oline: 100% giáo viên thực hiện dạy oline cho học sinh trong thời gian nghỉ học để phòng dịch

1.3. Bố trí, sử dụng đội ngũ giáo viên

**2. Tăng cường cơ sở vật chất và thiết bị dạy học, học liệu**

- Trong năm học, nhà trường đã quan tâm, sửa sữa các thiết bị máy tính, Ti vi hỏng để đảm bảo cho công tác dạy và học

- Nhà trường đã mua sắm thiết bị phục vụ học tin học cho học sinh lớp 3

- Mua một số sách, tài liệu tham khảo cho giáo viên và học sinh theo đúng tinh thần chỉ đạo của BGD và ĐT.

**3. Sử dụng phương tiện, thiết bị dạy học; ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong dạy học**

- Trên phương tiện, CSVC đã có nhà trường đã tích cực sửa chữa, bảo dưỡng, trang bị thêm để có 80% phòng học được trang bị đầy đủ màn hình Ti vi lớn và máy tính đảm bảo cho GV áp dụng CNTT trong giảng dạy;

- Rà soát lại trang thiết bị, sách báo, tài liệu tham khảo đã có để sử dụng hiệu quả. Mua sắm thêm trang thiết bị đồ dùng dạy học lớp 1,2 theo chương trình GDPT 2018.

- Khuyến khích cán bộ giáo viên, học sinh tự làm đồ dùng dạy học, động viên cha mẹ học sinh cùng tham gia. Khai thác các nguồn lực, từng bước đầu tư trang thiết bị dạy học hiện đại.

- Thực hiện khá tốt việc ứng dụng CNTT tuy nhiên việc chuyển đổi số trong dạy học còn chậm.

**VI. TĂNG CƯỜNG HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC ĐỂ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

-Tăng cường phối hợp giữa nhà trường – gia đình trong việc quản lý, hỗ trợ học sinh, nhất là học sinh tiểu học. Công tác giáo dục thể chất và y tế trường học cần triển khai hiệu quả, bảo đảm an toàn trường học, cùng với đó là xây dựng cơ sở dữ liệu về sức khỏe học đường, nâng cao chất lượng công tác giáo dục quốc phòng – an ninh.

- Ưu tiên bảo đảm cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học tối thiểu phục vụ việc dạy học; mua sắm được 10 máy tính phục vụ việc dạy Tin học.

- Hỗ trợ 25 học sinh có hoàn cảnh khó khăn với tổng số tiền gần 25 triệu đồng để không trẻ em nào vì điều kiện kinh tế mà không thể đến trường.

- Đề xuất xây dựng 10 phòng học trong năm 2023 để phục vụ việc dạy và học.

**VII. CÔNG TÁC THANH, KIỂM TRA**

1. Công tác thanh tra, kiểm tra

a) Kết quả thanh tra, kiểm tra của Phòng, Sở GD&ĐT,...

b) Tự kiểm tra nội bộ

+ Kiểm tra việc sử dụng đồ dùng các tổ khối chuyên môn:01

+ Kiểm tra hoạt động chuyên môn tổ khối: 02 tổ

+ Kiểm tra công tác chủ nhiệm lớp: 10 giáo viên

+ Kiểm tra công tác vở sạch, chữ đẹp: 01 lần

- Kiểm tra hoạt động sư phạm của giáo viên: 13/14 GV

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Đối tượng kiểm tra | Tổng số | Tốt/Giỏi | Khá | Trung bình |
| SL | TL % | SL | TL % | SL | TL % |
| Tiết dạy | 26 | 10 | 38.46 | 16 | 61.54 | 0 | 0 |
| Hồ sơ CM | 14 | 7 | 50 | 7 | 50 | 0 | 0 |

**2. Kết quả triển khai thực hiện các cuộc vận động và phong trào thi đua**

- Tiếp tục thực hiện sáng tạo các nội dung của phong trào “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”: Thực hiện Nghị định số 80/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ về xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường;

- Giáo dục đạo đức, kĩ năng sống cho học sinh thông qua các môn học, hoạt động giáo dục và xây dựng quy tắc ứng xử văn hoá. Nhà trường chủ động phối hợp với gia đình và cộng đồng cùng tham gia chăm sóc giáo dục đạo đức và kĩ năng sống cho học sinh.

- Đẩy mạnh các giải pháp nhằm xây dựng trường, lớp xanh, sạch, đẹp; đủ nhà vệ sinh sạch sẽ cho học sinh và giáo viên.

- Tổ chức tốt các hoạt động: tham gia lao động cải tạo cảnh quan trường lớp, tổ chức GD kĩ năng sống, GD an toàn giao thông, tuyên truyền giáo dục phòng bệnh, phòng dịch, vệ sinh an toàn thực phẩm,...phát huy tốt hệ thống phát thanh măng non trường học.

**3. Phong trào thi đua Dạy tốt - Học tốt**

Ban thi đua đã phát động các đợt thi đua với nội dung không ngừng nâng cao phẩm chất chính trị nhà giáo, chấp hành nghiêm chỉnh chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước, thi đua dạy tốt-học tốt.

- Nhà trường đã tổ chức thi giáo viên dạy giỏi cấp trường: Kết quả là 5/5 đồng chí đạt giỏi.

- Tham gia thi GVG cấp huyện: 4/4 đồng chí đạt giỏi

- Tham gia thi GVG cấp thành phố: 01 đồng chí đạt

- Tham gia giao lưu viết chữ đẹp cấp huện: 3/3 đồng chí đạt số điểm cao

- Nhà trường đã chú trọng phát hiện, bồi dưỡng cho học sinh có năng khiếu về các môn TDTT, vẽ tranh…

- Bên cạnh đó, nhà trường cũng khuyến khích các em tham gia các cuộc thi trên mạng internet như Violympic; Trạng nguyên toàn tài; Trạng nguyên Tiếng Việt; Tiếng Anh IOE; Thách thức tài năng toán học;

Cụ thể như sau:

Thi Trạng nguyên toàn tài: 16 giải Quốc gia (Trong đó: 2 giải Nhất, 01 giải Nhì, 13 giải Khuyến khích)

 - Thi thách thức tài năng Toán học trẻ: 02 em

- Thi IOE: 10 em

**VIII. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

**1. Ưu điểm, kết quả đạt được**

- Thực hiện việc dạy học đảm bảo các môn học và hoạt động giáo dục,

- Thực hiện việc dạy học một cách hợp lí nhằm đáp ứng yêu cầu, mục tiêu giáo dục tiểu học, phù hợp với đối tượng học sinh, từng bước thực hiện đổi mới nội dung, phương pháp dạy học theo hướng phát triển năng lực của học sinh trên nguyên tắc: đảm bảo yêu cầu chuẩn kiến thức, kĩ năng và phù hợp điều kiện thực tế; không cắt xén chương trình, tập trung vào đổi mới phương pháp dạy và học, đổi mới cách thức tổ chức các hoạt động giáo dục đảm bảo nguyên tắc nhẹ nhàng, tự nhiên, hiệu quả nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh. Thực hiện nghiêm túc việc dạy học trong các tiết bổ trợ và các tiết học tự chọn đảm bảo theo quy định của Bộ GD&ĐT, Sở GD&ĐT.

- Chất lượng các môn học, hoạt động GD; phát triển năng lực; phát triển phẩm chất HS có chuyển biến tích cực.

- Đại bộ phận học sinh chăm ngoan, không có học sinh vi phạm pháp luật.

- Tham gia đủ ở các cuộc thi, giao lưu.

- Đội ngũ giáo viên tích cực, nhiệt tình trong công tác giảng dạy và giáo dục.

**2. Những tồn tại, hạn chế**

- Chất lượng các môn học chưa có chuyển biến nhiều.

- Còn số ít giáo viên, nhân viên ý thức trách nhiệm chưa cao, năng lực hạn chế.

- Còn 2 GV chưa đạt chuẩn.

- Cơ sở vật chất đã xuống cấp xong chưa được sửa chữa.

- Một bộ phận HS chưa có ý thức học tập, một số ít học sinh khả năng nhận thức còn hạn chế, tỉ lệ học sinh KT cao.

**3. Nguyên nhân**

a) Nguyên nhân của những kết quả đạt được

- Nhà trường luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sâu sắc của PGD, của Đảng uỷ, UBND, sự hỗ trợ của các tổ chức đoàn thể, CMHS,...

- Đội ngũ CBQL và GVNV nhà trường luôn đoàn kết, có cố gắng nỗ lực, nhiệt tình tâm huyết và trách nhiệm.

- HS cơ bản chăm ngoan, có ý thức vươn lên trong học tập.

b) Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế

- Còn có giáo viên chưa thực sự nhiệt tình, tâm huyết; chất lượng một số giờ dạy hiệu quả chưa cao.

- Còn một số PHHS chưa quan tâm đến con em mình, phó mặc việc học tập

rèn luyện của con em mình cho thầy cô, nhà trường.

- Một bộ phận nhỏ học sinh ý thức học tập chưa thật tốt, khả năng nhận thức, tiếp thu rất hạn chế.

 **Phần II: PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM HỌC KỲ II**

1. Thực hiện chương trình học kì II ( từ ngày 16.01.2023)

2. Tăng cường bồi dưỡng tay nghề đội ngũ; Tích cực đổi mới phương pháp theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất học sinh

3. Tiếp tục tăng cường giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh.

4. Tiếp tục đổi mới nội dung hình thức sinh hoạt chuyên môn các tổ, khối nhằm phù hợp với thực tế nhà trường.

1. Tham gia có chất lượng các cuộc giao lưu cấp huyện:

 6. Thực hiện việc chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin, phần mềm quản lý kết quả giáo dục và học tập của học sinh trên CSDL ngành, dành nhiều thời gian cho giáo viên quan tâm đến học sinh và đổi mới phương pháp dạy học.

7. Tiếp tục hoàn thiện công tác kiểm tra giáo viên và kiểm tra thường xuyên

8. Tổ chức tốt việc ra đề kiểm tra đánh giá học sinh theo TT 27/2019/BGD ĐT đối với lớp 1,2 và TT22/2016/ BGD ĐT đối với lớp 3,4,5; tổ chức nghiêm túc các kỳ KTCL GKI và cuối năm;

9. Chú trọng nâng cao chất lượng đại trà; tăng cường bồi dưỡng học sinh yếu, kém nâng cao chất lượng khảo sát lớp 5

10.Tập trung bồi dưỡng chuyên môn về nghiên cứu chương trình lớp 4- GDPT 2018

**Phần III: KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT**

 **- Nhà trường cần bổ sung đồ dùng, thiết bị dạy học môn thể dục**

 **- Chuẩn bị tốt mọi điều kiện về CSVC, nhân lực cho việc học tập và triển khai chương trình lớp 4-GDPT 2018, năm học 2022-2023**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Phòng GD&ĐT;- Hiệu trương (để bc)- Lưu: VT. |  **PHÓ HIỆU TRƯỞNG**  **Nguyễn Thị Thơ** |